VÔ SẢN TOÀN THẾ GIỚI, ĐOÀN KẾT LẠI!

毛泽东

MAO TRẠCH ĐÔNG

BÀN VỀ THỰC TIỄN

Quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn
—quan hệ giữa biết và làm

(Tháng 7 năm 1937)

HỒNG KỲ VĂN ĐOÀN
HÀ NỘI — 2025

BÀN VỀ THỰC TIỄN

Hồng Kỳ Văn Đoàn

Xuất bản lần thứ nhất 2025

Liên hệ: liendoanhk1224@gmail.com

Mong nhận được những sự góp ý, đóng góp, phê bình từ các bạn đọc.

Cuốn sách được đăng ký bản quyền theo Giấy phép Creative Commons Attribution-ShareAlike 4.0 International. Để xem bản sao của giấy phép này, truy cập: https://creativecommons.org/licenses/by-sa/4.0/

This book is licensed under Creative Commons Attribution-ShareAlike 4.0 International. To view a copy of this license, visit: https://creativecommons.org/licenses/by-sa/4

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn sách *Bàn về thực tiễn* được lấy nguyên văn từ Tuyển tập Mao Trạch Đông, tập I, bản tiếng Việt do Nhà xuất bản Ngoại văn (Bắc Kinh) xuất bản năm 1967.

Trong Đảng ta đã từng có một số đồng chí giáo điều lâu nay cứ cự tuyệt kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc, họ phủ nhận cái chân lý: "Chủ nghĩa Marx không phải là giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động", họ ngốn sống từng câu từng chữ lẻ tẻ trong những sách về chủ nghĩa Marx, đặng đem đi dọa nạt người ta. Còn một số đồng chí kinh nghiệm chủ nghĩa thì lâu nay cứ khư khư giữ lấy những kinh nghiệm riêng lẻ của bản thân mình, không hiểu tính chất quan trọng của lý luận đối với thực tiễn cách mạng, không thấy được toàn cục của cách mạng, cho nên tuy cũng công tác vất vả, nhưng chỉ làm mò làm mẫm. Tư tưởng sai lầm của hai loại đồng chí đó, đặc biệt là tư tưởng giáo điều chủ nghĩa, đã từng làm cho cách mạng Trung Quốc chịu những tổn thất hết sức lớn trong khoảng từ năm 1931 đến năm 1934; hơn nữa, những người giáo điều lại khoác áo Marxít, làm mê hoặc rất nhiều đồng chí. Đồng chí Mao Trạch Đông viết bài *Bàn về thực tiễn* này, với mục đích là vận dụng quan điểm về nhận thức luận Marxít để vạch rõ những sai lầm về bệnh chủ quan của chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm trong Đảng— đặc biệt là chủ nghĩa giáo điều. Vì trọng điểm là vạch trần bệnh chủ quan của chủ nghĩa giáo điều xem thường thực tiễn, cho nên đề là *Bàn về thực tiễn*. Đồng chí Mao Trạch Đông đã từng dùng những quan điểm trong bài này để giảng ở trường Đại học quân chính chống Nhật tại Diên An.

Ban xuất bản "Mao Trạch Đông
tuyển tập" của Trung ương
Đảng Cộng sản Trung Quốc

MỤC LỤC

BÀN VỀ THỰC TIỄN
(Ngày 8 tháng 9 năm 1944) 1

PHỤ LỤC

THỰC HÀNH SINH RA HIỂU BIẾT, HIỂU BIẾT TIẾN LÊN LÝ LUẬN, LÝ LUẬN LÃNH ĐẠO THỰC HÀNH
—C.B. (HỒ CHÍ MINH)
(Ngày 19 tháng 7 năm 1951) 31

Chủ nghĩa duy vật trước Marx tách rời tính chất xã hội của con người, tách rời sự phát triển lịch sử của con người để xem xét vấn đề nhận thức, vì thế không thể hiểu được quan hệ phụ thuộc của nhận thức đối với thực tiễn xã hội, nghĩa là quan hệ phụ thuộc của nhận thức đối với sản xuất và đấu tranh giai cấp.

Trước hết, những người Marxít cho rằng: hoạt động sản xuất của loài người là hoạt động thực tiễn cơ bản nhất, là cái quyết định mọi hoạt động khác. Nhận thức của con người chủ yếu là dựa vào hoạt động sản xuất vật chất, mà dần dần hiểu rõ các hiện tượng của tự nhiên, tính chất của tự nhiên, tính quy luật của tự nhiên, quan hệ giữa con người với tự nhiên; và trải qua hoạt động sản xuất cũng dần dần nhận thức được mối quan hệ nhất định giữa người với người ở những mức độ khác nhau. Tách rời hoạt động sản xuất thì không thể có được tất cả những hiểu biết ấy. Trong xã hội không có giai cấp, mỗi người lấy tư cách là một thành viên của xã hội, góp sức với những thành viên khác trong xã hội, kết thành một quan hệ sản xuất nhất định mà hoạt động sản xuất để giải quyết vấn đề đời sống vật chất của loài

người. Trong các xã hội có giai cấp, những thành viên xã hội của các giai cấp cũng bằng những phương thức khác nhau, kết thành những quan hệ sản xuất nhất định mà hoạt động sản xuất để giải quyết vấn đề đời sống vật chất của loài người. Đó là nguồn gốc cơ bản của sự phát triển nhận thức của con người.

Thực tiễn xã hội của con người không bó hẹp trong một hình thức là hoạt động sản xuất, mà còn có nhiều hình thức khác: đấu tranh giai cấp, đời sống chính trị, hoạt động khoa học và nghệ thuật, nói tóm lại, mọi lĩnh vực trong đời sống thực tế của xã hội đều có con người xã hội tham gia. Vì vậy, nhận thức của con người không những có thể thông qua đời sống vật chất, mà còn có thể thông qua đời sống chính trị và đời sống văn hóa (liên hệ chặt chẽ với đời sống vật chất) mà biết được các loại quan hệ giữa người với người trên những mức độ khác nhau. Những hình thức hoạt động ấy, nhất là đấu tranh giai cấp dưới mọi hình thức, đã đem lại ảnh hưởng sâu sắc cho sự phát triển nhận thức của con người. Trong xã hội có giai cấp, mỗi người đều sinh hoạt trong vị trí của một giai cấp nhất định, không có thứ tư tưởng nào mà không mang theo dấu vết của giai cấp.

Người Marxít cho rằng hoạt động sản xuất của xã hội loài người phát triển từng bước, từ thấp lên cao; do đó, nhận thức của con người, bất cứ

đối với giới tự nhiên hay đối với xã hội, cũng đều phát triển từng bước, từ thấp lên cao, nghĩa là từ nông đến sâu, từ một mặt đến nhiều mặt. Trong một thời kỳ lịch sử rất dài, người ta chỉ có thể hiểu biết lịch sử xã hội một cách phiến diện; một mặt là do sự thiên kiến của giai cấp bóc lột luôn luôn bóp méo lịch sử xã hội, mặt khác là do quy mô sản xuất nhỏ hẹp đã hạn chế tầm mắt của người ta. Chỉ đến khi giai cấp vô sản cận đại ra đời theo sức sản xuất to lớn— nền đại công nghiệp— thì người ta mới có thể có sự hiểu biết một cách lịch sử và toàn diện về sự phát triển của lịch sử xã hội, biến những nhận thức về xã hội thành một khoa học, tức là khoa học của chủ nghĩa Marx.

Người Marxít cho rằng, chỉ có thực tiễn xã hội của người ta mới là tiêu chuẩn chân lý cho những nhận thức của người ta về thế giới bên ngoài. Tình hình thực tế là: chỉ khi nào trong quá trình thực tiễn xã hội (trong quá trình sản xuất vật chất, đấu tranh giai cấp, thực nghiệm khoa học), người ta đạt được kết quả mà mình mong muốn, thì nhận thức của người ta mới được chứng thực. Muốn thắng lợi trong công tác, nghĩa là muốn đi tới kết quả mong muốn thì nhất định người ta phải làm cho tư tưởng của mình phù hợp với tính quy luật của thế giới khách quan bên ngoài; nếu không, sẽ thất bại trong thực tiễn. Sau khi trải qua thất bại, người ta cũng có thể rút ra được những bài học trong sự thất bại, uốn nắn tư

tưởng của mình cho thích hợp với tính quy luật của thế giới bên ngoài và người ta có thể biến thất bại thành thắng lợi; nói rằng "thất bại là mẹ thành công", "ngã một keo, leo một nấc" chính là lẽ đó. Nhận thức luận duy vật biện chứng đặt thực tiễn lên hàng đầu, cho rằng nhận thức của con người dù một ly cũng không thể tách rời thực tiễn; nó bác bỏ mọi lý luận sai lầm phủ nhận tầm quan trọng của thực tiễn và làm cho nhận thức tách rời thực tiễn. Lenin nói: "Thực tiễn cao hơn nhận thức (lý luận), vì không những nó có phẩm cách tính phổ biến, mà còn có phẩm cách tính hiện thực trực tiếp."(1) Chủ nghĩa duy vật biện chứng— triết học Marxít— có hai đặc điểm rõ rệt nhất: một là tính chất giai cấp của nó, nó công nhiên nói rõ chủ nghĩa duy vật biện chứng phục vụ cho giai cấp vô sản, hai là tính chất thực tiễn của nó, nó nhấn mạnh quan hệ phụ thuộc của lý luận đối với thực tiễn, lý luận lấy thực tiễn làm nền tảng, và quay trở lại phục vụ cho thực tiễn. Muốn phán đoán xem nhận thức hoặc lý luận có phải là chân lý hay không, không phải cứ dựa theo chủ quan mình cảm thấy thế nào, mà phải dựa theo kết quả của thực tiễn xã hội khách quan ra sao. Tiêu chuẩn của chân lý chỉ có thể là thực tiễn xã hội. Quan điểm thực tiễn là quan điểm thứ nhất và cơ bản của nhận thức luận duy vật biện chứng(2).

Nhưng nhận thức của con người đã nảy ra từ thực tiễn và lại phục vụ cho thực tiễn như thế

nào? Điều đó chúng ta hãy xem quá trình phát triển của nhận thức thì rõ.

Trong quá trình thực tiễn, ban đầu con người chỉ nhìn thấy mặt hiện tượng của các sự vật trong quá trình, nhìn thấy những mặt riêng lẻ của sự vật, nhìn thấy mối liên hệ bên ngoài giữa các sự vật. Ví dụ có một số người ngoài đến Diên An để khảo sát, một hai ngày đầu, họ nhìn thấy địa hình, đường phố, nhà cửa của Diên An, tiếp xúc với nhiều người, dự các buổi tiệc, dạ hội và những cuộc mít tinh, nghe các câu chuyện, xem các văn kiện; những cái đó là hiện tượng của sự vật, từng mặt riêng lẻ của sự vật và mối liên hệ bên ngoài của các sự vật ấy. Đó gọi là giai đoạn cảm tính của nhận thức, tức là giai đoạn cảm giác và ấn tượng. Đó cũng là giai đoạn mà các sự vật khác nhau của Diên An đã tác động vào giác quan của các vị trong đoàn khảo sát, gây cảm giác cho họ, ghi nhiều ấn tượng trong óc họ và làm nảy ra sự liên hệ bên ngoài, đại khái giữa các ấn tượng ấy; đó là giai đoạn thứ nhất của nhận thức. Trong giai đoạn này, người ta chưa có thể tạo nên những khái niệm sâu sắc, đưa ra những kết luận hợp với luận lý (tức là hợp với lôgic).

Sự tiếp tục của thực tiễn xã hội, làm cho những cái trong thực tiễn đã gây nên cảm giác và ấn tượng của người ta lặp đi lặp lại nhiều lần, từ đó trong óc người ta nảy ra một sự đột biến (tức nhảy vọt) trong quá trình nhận thức và sinh ra

khái niệm. Cái mà người ta gọi là khái niệm đây không còn là những hiện tượng của sự vật, không còn là từng mặt riêng lẻ của sự vật, không còn là những mối liên hệ bên ngoài của sự vật nữa, mà là đã nắm được bản chất của sự vật, toàn thể của sự vật, mối liên hệ bên trong của sự vật. Giữa khái niệm và cảm giác không những có sự khác nhau về số lượng, mà còn có sự khác nhau về tính chất. Cứ thế mà tiến lên nữa, dùng phương pháp phán đoán và suy lý thì có thể đi tới những kết luận hợp với luận lý. Trong truyện *Tam Quốc Diễn Nghĩa* có câu "nhíu đôi mày, bày ra kế", thông thường chúng ta vẫn nói "để tôi nghĩ cái đã", đó là lúc người ta vận dụng khái niệm trong đầu óc để phán đoán và suy lý. Đây là giai đoạn thứ hai của nhận thức. Sau khi thu thập các tài liệu và "nghĩ cái đã", các vị trong đoàn khảo sát có thể phán đoán rằng "chính sách mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật của Đảng Cộng sản là triệt để, thành khẩn và chân thực". Sau khi phán đoán như vậy, nếu họ cũng thật sự đoàn kết cứu nước thì họ có thể tiến một bước nữa đi tới kết luận như sau: "Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật có thể thành công được." Giai đoạn khái niệm, phán đoán và suy lý ấy là giai đoạn càng quan trọng hơn nữa trong toàn bộ quá trình nhận thức của người ta đối với một sự vật, tức là giai đoạn nhận thức lý tính. Nhiệm vụ thật sự của nhận thức là trải qua cảm giác mà đạt tới tư duy, đạt tới chỗ dần dần hiểu

biết rõ mâu thuẫn bên trong của sự vật khách quan, hiểu rõ tính quy luật của nó, hiểu rõ mối liên hệ bên trong giữa quá trình này với quá trình khác, nghĩa là đạt tới chỗ nhận thức luận lý. Ở đây xin nhắc lại rằng, sở dĩ nhận thức luận lý khác với nhận thức cảm tính, chính là vì nhận thức cảm tính là sự nhận thức thuộc về từng mặt riêng lẻ, thuộc về hiện tượng, về mối liên hệ bên ngoài của sự vật; còn nhận thức luận lý thì đã tiến lên một bước cao, đạt tới cái toàn thể, cái bản chất, tới mối liên hệ bên trong của sự vật, tới chỗ phơi bày mâu thuẫn bên trong của thế giới chung quanh, do đó có thể thông qua mặt toàn thể của thế giới chung quanh và mối liên hệ bên trong về mọi mặt của thế giới chung quanh mà nắm được sự phát triển của thế giới chung quanh.

Lý luận về quá trình phát triển của nhận thức dựa trên thực tiễn, từ nông đến sâu và duy vật biện chứng này, thì trước chủ nghĩa Marx, chưa từng có người nào giải quyết được như vậy. Lần đầu tiên chủ nghĩa duy vật Marxít đã giải quyết đúng đắn vấn đề ấy, đã chỉ rõ một cách duy vật và biện chứng sự vận động của nhận thức theo chiều hướng ngày càng sâu, chỉ rõ sự vận động từ nhận thức cảm tính tiến triển lên nhận thức luận lý của con người xã hội trong thực tiễn phức tạp, luôn luôn lặp đi lặp lại của sản xuất và đấu tranh giai cấp. Lenin từng nói: "Sự trừu tượng của vật chất, sự trừu tượng của quy luật tự nhiên, sự trừu tượng của giá trị v.v., tóm lại, tất cả

những sự trừu tượng khoa học (đúng đắn, nghiêm túc, không nói bừa) đều phản ánh tự nhiên một cách sâu sắc hơn, đúng đắn hơn, hoàn toàn hơn."[3] Chủ nghĩa Marx–Lenin cho rằng: Đặc tính của hai giai đoạn trong quá trình nhận thức là: ở giai đoạn thấp, nhận thức biểu hiện bằng cảm tính; ở giai đoạn cao, nhận thức biểu hiện bằng luận lý; song bất cứ giai đoạn nào cũng đều là những giai đoạn nằm trong quá trình thống nhất của nhận thức. Tính chất của cảm tính và lý tính có khác nhau, song lại không tách rời nhau, mà thống nhất với nhau trên cơ sở thực tiễn. Thực tiễn của chúng ta chứng minh rằng: cái mà chúng ta đã cảm giác, chúng ta không thể hiểu rõ nó ngay tức khắc, chỉ có cái mà chúng ta đã hiểu rõ rồi thì chúng ta mới cảm giác nó sâu sắc hơn. Cảm giác chỉ giải quyết vấn đề hiện tượng, lý luận mới giải quyết vấn đề bản chất. Giải quyết các vấn đề ấy, dù một ly cũng không thể tách rời được thực tiễn. Bất kỳ ai muốn nhận thức một sự vật gì, nếu không tiếp xúc với sự vật ây, nghĩa là sống (thực tiễn) trong hoàn cảnh của sự vật ấy, thì chẳng có cách gì giải quyết được cả. Trong xã hội phong kiến không thể nhận thức trước được quy luật của xã hội tư bản chủ nghĩa, bởi vì chủ nghĩa tư bản chưa ra đời, chưa có thực tiễn ấy. Chủ nghĩa Marx chỉ có thể là sản phẩm của xã hội tư bản chủ nghĩa. Marx không thể ở trong thời đại của chủ nghĩa tư bản tự do mà đã nhận thức trước một cách cụ thể một số quy luật

đặc biệt nào đó của thời đại đế quốc chủ nghĩa; bởi vì chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản chưa đến thì chưa có thực tiễn ấy, chỉ có Lenin và Stalin mới đảm đương được nhiệm vụ ấy. Marx, Engels, Lenin, Stalin sở dĩ xây dựng được lý luận của mình, ngoài điều kiện thiên tài ra, chủ yếu là do Marx, Engels, Lenin, Stalin đã đích thân tham gia thực tiễn về đấu tranh giai cấp và thực nghiệm khoa học đương thời, không có điều kiện nói sau thì bất cứ thiên tài nào cũng không thể thành công được. "Thầy tú không ra khỏi cửa mà biết hết chuyện thiên hạ", ở thời xưa khi kỹ thuật chưa phát triển, đó chỉ là một câu nói suông; ở thời đại kỹ thuật phát triển ngày nay, tuy rằng câu nói ấy có thể thực hiện được, nhưng những người thật sự tự mình biết rõ được mọi việc chính là những người có thực tiễn trong thiên hạ, những người ấy rút ra cái "biết"trong thực tiễn của họ, rồi nhờ chữ viết, nhờ kỹ thuật mà truyền bá cái biết ấy đến "thầy tú"; do đó thầy tú mới có thể gián tiếp "biết chuyện thiên hạ" được. Nếu muốn trực tiếp nhận thức một loại sự vật nào hay một số sự vật nào, thì chỉ có cách là đích thân tham gia đấu tranh thực tiễn biến đổi hiện thực, biến đổi loại sự vật nào đó hay số sự vật nào đó; mới có thể đụng đến hiện tượng của loại sự vật hay số sự vật đó, và cũng chỉ có cách đích thân tham gia đấu tranh thực tiễn nhằm biến đổi hiện thực, thì mới có thể phơi bày được bản chất của loại sự vật hay số sự

vật đó để rồi hiểu rõ nó. Đó là con đường của sự nhận thức mà trong thực tế bất cứ ai cũng phải đi theo, chẳng qua là có một số người cố ý xuyên tạc và nói những lời chống lại điều đó mà thôi. Trên đời, đáng buồn cười nhất là có những "tay sành tri thức", nghe được điều gì ở đầu đường xó chợ, chỉ biết lơ mơ đã tự phong cho mình là "nhất thiên hạ", như thế đủ thấy rằng họ không biết lượng sức mình mà thôi. Vấn đề tri thức là một vấn đề khoa học, không được giả dối và kiêu ngạo chút nào cả, trái hẳn lại, cái mà nó đòi hỏi một cách quyết định, chính là thái độ thành thật và khiêm tốn. Muốn có tri thức, anh phải tham gia vào thực tiễn biến đổi hiện thực. Muốn biết mùi lê, anh phải biến đổi quả lê, tự mình ăn một miếng. Muốn biết kết cấu và tính chất của nguyên tử, anh phải làm những thí nghiệm vật lý học và hóa học, biến đổi trạng thái của nguyên tử. Muốn biết lý luận và phương pháp cách mạng, anh phải tham gia cách mạng. Mọi sự hiểu biết thật sự đều bắt nguồn từ kinh nghiệm trực tiếp. Nhưng người ta không thể có kinh nghiệm trực tiếp về mọi việc; thật ra số lớn tri thức đều là kinh nghiệm gián tiếp, đó tức là tất cả mọi tri thức từ thời xưa truyền lại và từ xứ ngoài truyền vào. Các tri thức đó đối với người xưa và người xứ ngoài là kinh nghiệm trực tiếp, chỉ khi nào những kinh nghiệm trực tiếp của người xưa và người xứ ngoài phù hợp với điều kiện mà Lenin đã nêu ra: "trừu tượng khoa học", đã phản ánh

sự vật khách quan một cách khoa học, thì những trí thức ấy là có thể tin cậy được, nếu không thì không tin cậy được. Cho nên, tri thức của một người, không ngoài hai phần: kinh nghiệm trực tiếp và kinh nghiệm gián tiếp. Hơn nữa, cái mà ở ta là kinh nghiệm gián tiếp thì ở người khác vẫn là kinh nghiệm trực tiếp. Do đó, đứng về toàn bộ tri thức mà nói, thì bất cứ tri thức nào cũng không thể tách khỏi kinh nghiệm trực tiếp. Nguồn gốc của bất cứ một tri thức nào cũng là ở cảm giác của những giác quan xác thịt của con người đối với thế giới khách quan bên ngoài; phủ nhận cảm giác ấy, phủ nhận kinh nghiệm trực tiếp, phủ nhận việc tự mình tham gia vào thực tiễn biến đổi hiện thực thì không phải là người duy vật. Những người tự cho mình là "tay sành tri thức" sở dĩ đáng buồn cười, nguyên do chính là ở chỗ đó. Người Trung Quốc có câu tục ngữ: "Không vào hang cọp, thì sao bắt được cọp con." Đối với thực tiễn của con người câu ấy là chân lý, đối với nhận thức luận, nó cũng là chân lý. Nhận thức mà tách rời thực tiễn là không thể được.

Để làm sáng tỏ sự vận động của nhận thức theo duy vật biện chứng— sự vận động theo chiều hướng dần dần đi sâu của nhận thức phát sinh trên cơ sở thực tiễn biến đổi hiện thực, tôi xin nêu thêm mấy ví dụ cụ thể.

Nhận thức của giai cấp vô sản đối với xã hội tư bản chủ nghĩa, trong buổi đầu thực tiễn của họ—

tức là thời kỳ phá máy móc và đấu tranh tự phát— họ chỉ mới ở giai đoạn nhận thức cảm tính, chỉ nhận thức từng mặt riêng lẻ các hiện tượng của chủ nghĩa tư bản và mối liên hệ bên ngoài của các hiện tượng ấy. Khi đó, giai cấp vô sản còn gọi là "giai cấp tự nó". Nhưng đến thời kỳ thứ hai của thực tiễn của họ— tức là thời kỳ đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị có ý thức, có tổ chức, thì nhờ có thực tiễn, nhờ có kinh nghiệm đấu tranh lâu dài, và được Marx, Engels dùng phương pháp khoa học đúc kết tất cả những kinh nghiệm ấy lại thành lý luận của chủ nghĩa Marx, và dùng lý luận đó để giáo dục giai cấp vô sản, làm cho giai cấp vô sản hiểu rõ bản chất của xã hội tư bản chủ nghĩa, hiểu rõ quan hệ bóc lột giai cấp trong xã hội, hiểu rõ nhiệm vụ lịch sử của giai cấp vô sản, bấy giờ giai cấp vô sản mới trở nên "giai cấp vì nó".

Nhận thức của nhân dân Trung Quốc đối với chủ nghĩa đế quốc cũng thế. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn nhận thức cảm tính nông cạn, biểu hiện trong các cuộc đấu tranh bài ngoại một cách không phân biệt của phong trào Thái Bình Thiên Quốc[4] và phong trào Nghĩa Hòa Đoàn[5] v.v. Giai đoạn thứ hai mới tiến sang giai đoạn nhận thức lý tính, nhìn thấy các loại mâu thuẫn bên trong và bên ngoài của chủ nghĩa đế quốc, lại nhìn thấy thực chất của việc chủ nghĩa đế quốc liên hợp với giai cấp mại bản và giai cấp phong kiến Trung Quốc để áp bức bóc lột đại chúng

nhân dân Trung Quốc. Đến khoảng phong trào Ngũ Tứ năm 1919 mới bắt đầu có nhận thức này.

Chúng ta lại lấy chiến tranh mà xét. Những người lãnh đạo chiến tranh, nếu họ là những người không có kinh nghiệm về chiến tranh, thì trong giai đoạn đầu, họ không hiểu được những quy luật chỉ đạo sâu sắc của một cuộc chiến tranh cụ thể (chẳng hạn như chiến tranh cách mạng ruộng đất của chúng ta trong 10 năm qua). Trong giai đoạn đầu, họ chỉ có thể trải qua những kinh nghiệm của rất nhiều trận đánh mà phần nhiều là đánh thua. Song do những kinh nghiệm đó (kinh nghiệm thắng trận, đặc biệt là kinh nghiệm thua trận), làm cho họ có thể hiểu những cái bên trong, quán xuyến toàn bộ cuộc chiến tranh, tức là tính quy luật của cuộc chiến tranh cụ thể ấy, họ đã hiểu được chiến lược và chiến thuật, do đó mà có thể chỉ đạo chiến tranh một cách chắc chắn. Khi đó, nếu đổi một người không có kinh nghiệm vào chỉ đạo thay, thì lại không khỏi thua vài trận (sau khi đã có kinh nghiệm) rồi mới hiểu được những quy luật chính xác của chiến tranh.

Ta thường thấy có một số đồng chí, khi họ không dám mạnh dạn nhận nhiệm vụ công tác, họ hay nói: không chắc là làm được. Tại sao lại không chắc? Vì họ chưa hiểu rõ tính quy luật về nội dung và hoàn cảnh của công tác ấy, hoặc vì xưa nay họ chưa tiếp xúc hay ít tiếp xúc với loại công tác ấy, cho nên cũng khó mà nói đến quy

luật của loại công tác ấy. Đến khi đã phân tích tỉ mỉ tình hình và hoàn cảnh của công tác rồi, họ liền cảm thấy tương đối chắc hơn và vui lòng làm công tác ấy. Nếu người đó đã trải qua công tác ấy trong một thời kỳ, đã có kinh nghiệm về công tác ấy và lại là một người chịu khiêm tốn xem xét kỹ tình hình, chứ không phải là một người chỉ nhìn vấn đề một cách chủ quan, phiến diện và bề ngoài, thì người đó có thể tự mình đưa ra kết luận nên làm công tác ấy như thế nào và lòng hăng hái công tác của người đó cũng tăng lên rất nhiều. Chỉ có những người nhìn vấn đề một cách chủ quan, phiến diện và hời hợt, đến nơi nào cũng không hỏi tình hình của hoàn cảnh, không xem toàn diện của sự việc (lịch sử và toàn bộ hiện trạng của sự việc), cũng không đụng chạm tới bản chất của sự việc (tính chất của sự việc và mối liên hệ bên trong giữa sự việc này với sự việc khác) mà đã tự cho mình là phải, đưa ra mệnh này lệnh kia, những người như vậy không sao tránh khỏi vấp váp.

Do đó có thể thấy rằng, trong quá trình nhận thức, bước thứ nhất là bắt đầu tiếp xúc với sự việc của thế giới bên ngoài, thuộc về giai đoạn cảm giác. Bước thứ hai là tổng hợp các tài liệu cảm giác lại mà chỉnh lý và cải tạo, thuộc về giai đoạn khái niệm, phán đoán và suy lý. Chỉ khi nào những tài liệu cảm giác đã hết sức phong phú (không vụn vặt thiếu sót) và hợp với thực tế (không phải cảm giác sai lầm), thì mới có thể dựa

vào tài liệu ấy mà tạo ra khái niệm và luận lý chính xác được.

Ở đây, có hai điểm quan trọng cần nhấn mạnh. Điểm thứ nhất, trên kia đã nói rồi, bây giờ nhắc lại một lần nữa, tức là vấn đề nhận thức lý tính phải dựa vào nhận thức cảm tính. Nếu có người cho rằng không cần rút từ nhận thức cảm tính mà cũng có thể có nhận thức lý tính được, thì đó là một người duy tâm. Trong lịch sử triết học, có một phái gọi là "thuyết duy lý", chỉ thừa nhận tính chất thực tại của lý tính, không thừa nhận tính chất thực tại của kinh nghiệm, cho rằng chỉ có lý tính là đáng tin cậy, còn kinh nghiệm do cảm giác mà có thì không đáng tin cậy, sai lầm của phái ấy là ở chỗ họ đã đảo lộn sự thật. Những cái thuộc về lý tính sở dĩ tin cậy được, chính là vì nó bắt nguồn từ cảm tính, nếu không thì những cái thuộc về lý tính sẽ thành ra nước không nguồn, cây không gốc, và chỉ là những cái do chủ quan đề ra, không đáng tin cậy. Xét theo trình tự của quá trình nhận thức, thì kinh nghiệm cảm giác là cái đứng hàng đầu; chúng ta nhấn mạnh ý nghĩa của thực tiễn xã hội trong quá trình nhận thức, chính là ở chỗ chỉ có thực tiễn xã hội mới có thể làm cho nhận thức của người ta bắt đầu phát sinh, bắt đầu thu được kinh nghiệm cảm giác từ thế giới khách quan bên ngoài. Một người nhắm mắt bịt tai, hoàn toàn cách biệt với thế giới khách quan bên ngoài, thì chẳng còn gì gọi là nhận thức

nữa. Nhận thức bắt đầu từ kinh nghiệm— đó là chủ nghĩa duy vật của nhận thức luận.

Điểm thứ hai là nhận thức phải đi tới chỗ sâu sắc hơn, giai đoạn cảm tính của nhận thức phải phát triển đến giai đoạn lý tính— đó là phép biện chứng của nhận thức luận[6]. Nếu cho rằng nhận thức có thể dừng lại ở giai đoạn thấp tức là giai đoạn cảm tính, cho rằng chỉ có nhận thức cảm tính mới đáng tin cậy, còn nhận thức lý tính là không đáng tin cậy, thì mắc lại sai lầm của "thuyết kinh nghiệm" đã từng có trong lịch sử. Sai lầm của lý luận này là ở chỗ không hiểu rằng những tài liệu của cảm giác tuy phản ánh ít nhiều tính chân thật nào đó của thế giới khách quan bên ngoài (ở đây tôi không nói thứ thuyết kinh nghiệm duy tâm cho rằng kinh nghiệm chỉ là cái thể nghiệm nội tâm), song đó chỉ là những cái phiến diện và bề ngoài, lối phản ánh ấy không hoàn toàn, không phản ánh bản chất của sự vật. Muốn phản ánh toàn bộ sự vật một cách đầy đủ, phản ánh bản chất của sự vật, phản ánh tính quy luật bên trong của sự vật, thì phải trải qua tác dụng của sự suy nghĩ, trải qua công phu chế biến cải tạo những tài liệu phong phú của cảm giác, bỏ cái thô lấy cái tinh, bỏ cái giả giữ cái thật, từ cái này tới cái kia, từ ngoài vào trong để tạo nên hệ thống khái niệm và lý luận, nghĩa là phải từ nhận thức cảm tính tiến vọt sang nhận thức lý tính. Loại nhận thức đã được cải tạo đó không phải là một thứ nhận thức trống rỗng hơn, không

đáng tin cậy hơn, mà trái lại, miễn là trong quá trình nhận thức, nó đã được cải tạo một cách khoa học dựa trên cơ sở thực tiễn, thì đúng như Lenin đã nói, nó là những cái phản ánh sự vật khách quan một cách sâu sắc hơn, đúng đắn hơn, hoàn toàn hơn. Các nhà sự vụ chủ nghĩa tầm thường thì không như vậy, họ tôn trọng kinh nghiệm mà coi thường lý luận, vì thế không thể nhìn thấu suốt toàn thể quá trình khách quan, thiếu phương châm rõ ràng, không có tiền đồ rộng lớn, dương dương tự đắc với một chút công lao cỏn con và một kiến thức nhỏ hẹp. Những người ấy nếu chỉ đạo cách mạng thì sẽ đưa cách mạng tới chỗ bế tắc.

Nhận thức lý tính dựa vào nhận thức cảm tính, nhận thức cảm tính phải phát triển đến nhận thức lý tính, đó là nhận thức luận duy vật biện chứng. "Thuyết duy lý" và "thuyết kinh nghiệm" về triết học đều không hiểu tính chất lịch sử hoặc tính chất biện chứng của nhận thức, tuy rằng hai thuyết đó đều có mang khía cạnh nào đó của chân lý (đây là nói thuyết duy lý và thuyết kinh nghiệm duy vật, chứ không phải nói thuyết duy lý và thuyết kinh nghiệm duy tâm), song xét về toàn thể của nhận thức luận thì cả hai đều sai lầm. Sự vận động của nhận thức theo thuyết duy vật biện chứng từ cảm tính đến lý tính đối với một quá trình nhận thức nhỏ (như nhận thức một sự vật hay một công tác) là như vậy, mà đối với một quá trình nhận thức lớn (như nhận

thức một xã hội hay một cuộc cách mạng) cũng như vậy.

Nhưng sự vận động của nhận thức đến đây chưa phải là đã chấm dứt. Trong sự vận động duy vật biện chứng của nhận thức, nếu chỉ nói đến nhận thức lý tính rồi dừng lại thì mới được một nửa vấn đề. Hơn nữa, đứng về triết học của chủ nghĩa Marx mà nói, thì chỉ mới nói được cái nửa không phải hết sức quan trọng mà thôi. Triết học của chủ nghĩa Marx cho rằng vấn đề hết sức quan trọng không phải ở chỗ hiểu được tính quy luật của thế giới khách quan, do đó có thể giải thích được thế giới, mà ở chỗ áp dụng những nhận thức về tính quy luật khách quan đó vào việc cải tạo thế giới một cách năng động. Xét theo chủ nghĩa Marx thì lý luận là quan trọng, tầm quan trọng của nó biểu hiện đầy đủ trong câu nói của Lenin: "Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng."(7) Song chủ nghĩa Marx coi trọng lý luận, chính vì và cũng chỉ vì lý luận có thể chỉ đạo hành động. Nếu có lý luận đúng mà chỉ để nói suông một hồi, rồi đem gác xó, không hề thực hành, thì thứ lý luận ấy có hay đến mấy cũng chẳng có ý nghĩa gì. Nhận thức bắt đầu từ thực tiễn, trải qua thực tiễn mà rút ra nhận thức lý luận, rồi lại phải quay trở về thực tiễn. Tác dụng năng động của nhận thức, không những chỉ biểu hiện ở sự nhảy vọt một cách năng động từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính, mà quan trọng hơn nữa là phải biểu

hiện ở sự nhảy vọt từ nhận thức lý tính đến thực tiễn cách mạng.

Đã nắm được nhận thức về tính quy luật của thế giới thì lại phải đem nó trở vào thực tiễn cải tạo thế giới, lại phải áp dụng vào thực tiễn sản xuất, vào thực tiễn của đấu tranh giai cấp cách mạng và đấu tranh dân tộc cách mạng, cho đến cả thực tiễn thực nghiệm khoa học nữa. Đó là quá trình kiểm nghiệm lý luận và phát triển lý luận, là sự tiếp tục của toàn bộ quá trình nhận thức. Về vấn đề lý luận có phù hợp với chân lý khách quan hay không, không phải là đã được giải quyết hoàn toàn mà cũng không thể giải quyết hoàn toàn trong sự vận động của nhận thức từ cảm tính sang lý tính như đã nói trên. Muốn giải quyết hoàn toàn vấn đề này thì chỉ có cách đem nhận thức lý tính trở lại thực tiễn xã hội, áp dụng lý luận vào thực tiễn, xem nó có thể đạt được mục đích mong muốn hay không. Có nhiều lý luận về khoa học tự nhiên sở dĩ được gọi là chân lý, không những trong khi các nhà khoa học tự nhiên lập ra học thuyết ấy, mà cả trong khi những lý luận ấy đã được thực tiễn khoa học về sau chứng thực. Chủ nghĩa Marx–Lenin sở dĩ được gọi là chân lý, cũng không những ở chỗ Marx, Engels, Lenin, Stalin xây dựng học thuyết ấy một cách khoa học, mà còn ở chỗ chủ nghĩa ấy đã được thực tiễn đấu tranh giai cấp cách mạng và đấu tranh dân tộc cách mạng về sau chứng thực. Chủ nghĩa duy vật biện chứng sở dĩ là chân

lý phổ biến, vì sự thực tiễn của bất cứ người nào cũng không thể lọt ra ngoài phạm vi của nó. Lịch sử nhận thức của loài người đã cho chúng ta thấy rằng, tính chân lý của nhiều lý luận là không được hoàn toàn; sau nhờ trải qua sự kiểm nghiệm của thực tiễn mà uốn nắn được những chỗ không hoàn toàn của nó. Nhiều lý luận là sai lầm, và nhờ trải qua sự kiểm nghiệm của thực tiễn mà uốn nắn được sai lầm. Sở dĩ nói rằng thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, nói rằng "quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là quan điểm trước nhất và cơ bản của nhận thức luận"(8), nguyên do chính là ở chỗ đó. Stalin nói rất đúng rằng: "Lý luận nếu không gắn liền với thực tiễn cách mạng thì sẽ biến thành lý luận không có đối tượng; cũng như thực tiễn nếu không có lý luận cách mạng làm kim chỉ nam thì sẽ thành ra thực tiễn mù quáng."(9)

Đến đây, sự vận động của nhận thức đã hoàn thành chưa? Chúng ta trả lời: đã hoàn thành, nhưng lại cũng chưa hoàn thành. Những người trong xã hội lăn mình vào thực tiễn biến đổi một quá trình khách quan nào đó trong một giai đoạn phát triển nào đó (bất cứ đó là thực tiễn biến đổi một quá trình tự nhiên nào đó hay là thực tiễn biến đổi một quá trình xã hội nào đó), do sự phản ánh của quá trình khách quan và tác dụng của tính năng động chủ quan mà làm cho nhậnthức của người ta chuyển từ cảm tính lên lý tính, tạo nên những tư tưởng, lý luận, kế hoạch hoặc

phương án về đại thể tương ứng với tính quy luật của quá trình khách quan đó, rồi sau đó lại áp dụng những tư tưởng, lý luận, kế hoạch hoặc phương án ấy vào thực tiễn của cùng một quá trình khách quan ấy, nếu có thể thực hiện được mục đích mong muốn, nghĩa là biến những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án định trước thành sự thật, hay về đại thể biến thành sự thật trong thực tiễn của cùng một quá trình ấy, thì lúc đó, sự vận động của nhận thức đối với quá trình cụ thể ấy được coi là đã hoàn thành. Ví như, trong quá trình biến đổi tự nhiên đã thực hiện được kế hoạch của một công trình nào đó, chứng minh được một giả thuyết khoa học nào đó, chế ra được một công cụ nào đó, thu hoạch được một loại nông sản nào đó; hay trong quá trình biến đổi xã hội đã giành được thắng lợi trong một cuộc bãi công nào đó, thắng lợi trong một cuộc chiến tranh nào đó, thực hiện được một kế hoạch giáo dục nào đó, thì như thế đều coi là đã thực hiện được mục đích mong muốn. Song, nói chung thì dù trong thực tiễn biến đổi tự nhiên hay trong thực tiễn biến đổi xã hội, những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án do người ta định ra lúc đầu mà được thực hiện đầy đủ không mảy may thay đổi là chuyện rất hiếm. Bởi vì những người biến đổi hiện thực, thường bị nhiều hạn chế, không những thường bị điều kiện khoa học và điều kiện kỹ thuật hạn chế, mà còn bị sự phát triển và trình độ biểu hiện của quá trình

khách quan hạn chế nữa (các mặt và bản chất của quá trình khách quan chưa bộc lộ đầy đủ). Trong tình hình ấy, vì từ thực tiễn đã phát hiện ra những tình huống mà trước kia chưa tính đến, cho nên thường phải thay đổi một bộ phận, cũng có khi phải thay đổi toàn bộ những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án định trước. Như thế nghĩa là trong những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án định ra ban đầu, đều có những trường hợp là có một bộ phận hay toàn bộ không sát với thực tế; có một bộ phận sai hay toàn bộ đều sai. Nhiều khi phải lặp đi lặp lại nhiều lần thất bại mới uốn nắn được nhận thức sai lầm, mới đi tới chỗ phù hợp với tính quy luật của quá trình khách quan, nhờ đó mới có thể biến được cái chủ quan thành cái khách quan, nghĩa là trong thực tiễn, đạt được kết quả mong muốn. Nhưng dù sao, thì đến lúc này, sự vận động của nhận thức của người ta đối với một quá trình khách quan nào đó, trong một giai đoạn phát triển nào đó, được coi là đã hoàn thành.

Song lấy sự tiến triển của quá trình mà nói, thì sự vận động của nhận thức của người ta chưa phải là đã hoàn thành. Bất cứ quá trình nào, dù thuộc về tự nhiên hay xã hội, cũng đều tiến lên và phát triển lên do mâu thuẫn và đấu tranh bên trong; sự vận động của nhận thức của người ta cũng phải tiến lên và phát triển theo. Lấy sự vận động xã hội mà nói, thì người chỉ đạo cách mạng chân chính, không những khi tư tưởng, lý luận,

kế hoạch, phương án của mình có sai lầm thì phải khéo sửa chữa như đã nói trên, mà khi một quá trình khách quan nào đó đã từ một giai đoạn phát triển này tiến triển và chuyển biến lên một giai đoạn phát triển khác thì cũng phải khéo làm cho nhận thức chủ quan của mình và tất cả những người tham gia cách mạng, cũng đều tiến triển và chuyển biến theo, nghĩa là phải làm cho nhiệm vụ mới của cách mạng và phương án mới của công tác đề ra được thích hợp với sự biến đổi của tình hình mới. Trong thời kỳ cách mạng, tình hình biến đổi rất nhanh, nếu nhận thức của những người trong đảng cách mạng không biết chuyển biến nhanh theo nó thì không thể đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

Nhưng tình trạng tư tưởng lạc hậu so với thực tế là điều thường có, đó là vì nhận thức của người ta bị hạn chế bởi nhiều điều kiện xã hội. Chúng ta phản đối phái ngoan cố trong hàng ngũ cách mạng, tư tưởng của họ không theo tình hình khách quan đã thay đổi mà tiến lên, trong lịch sử, nó đã biểu hiện thành chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh. Những người ấy không thấy rằng sự đấu tranh của mâu thuẫn đã đẩy quá trình khách quan tiến lên, mà nhận thức của họ thì vẫn dừng lại ở giai đoạn cũ. Tư tưởng của tất cả những bọn ngoan cố đều mang đặc trưng ấy. Tư tưởng của họ tách rời thực tiễn của xã hội, họ không thể đứng trước bánh xe xã hội mà đảm đương công việc dẫn đường chỉ lối, họ chỉ biết bước theo sau

xe, oán trách xe chạy nhanh quá, hòng kéo xe lùi lại, kéo xe chạy ngược lại.

Chúng ta cũng chống chủ nghĩa nói suông "tả" khuynh. Tư tưởng của họ vượt qua giai đoạn phát triển nhất định của quá trình khách quan; một số người thì coi ảo tưởng là chân lý, một số người thì đem những lý tưởng mà chỉ đến tương lai mới có thể trở thành hiện thực được, gắng gượng mà làm trong hiện tại, tư tưởng của họ tách rời thực tiễn trước mắt của đại đa số người, tách rời cái hiện thực trước mắt, và trong hành động thì biểu hiện thành chủ nghĩa phiêu lưu.

Chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật máy móc, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa phiêu lưu, đều có đặc điểm là tách rời chủ quan với khách quan, tách rời nhận thức với thực tiễn. Nhận thức luận của chủ nghĩa Marx–Lenin với đặc trưng của nó là sự thực tiễn xã hội khoa học, không thể không kiên quyết phản đối những tư tưởng sai lầm đó. Người Marxít thừa nhận rằng, trong quá trình phát triển toàn bộ và tuyệt đối của vũ trụ, thì sự phát triển của các quá trình cụ thể đều là tương đối, do đó mà trên dòng sông dài của chân lý tuyệt đối, nhận thức của người ta đối với quá trình cụ thể trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định, chỉ có tính chân lý tương đối mà thôi. Vô số chân lý tương đối gộp lại thành ra chân lý tuyệt đối[10]. Sự phát triển của quá trình khách quan là một sự phát triển chứa đầy mâu thuẫn và đấu

tranh, sự phát triển của sự vận động nhận thức của con người cũng là một sự phát triển chứa đầy mâu thuẫn và đấu tranh. Mọi sự vận động biện chứng của thế giới khách quan đều có thể hoặc trước hoặc sau phản ánh vào nhận thức của con người. Quá trình phát sinh, phát triển và tiêu diệt trong thực tiễn xã hội là vô tận, quá trình phát sinh, phát triển và tiêu diệt của nhận thức của con người cũng là vô tận. Thực tiễn biến đổi hiện thực khách quan tiến hành theo những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án nhất định cứ hết đợt này đến đợt khác mà tiến lên, do đó nhận thức của người ta đối với hiện thực khách quan cũng qua hết đợt này đến đợt khác mà càng sâu thêm. Sự vận động biến đổi của thế giới hiện thực khách quan mãi mãi không bao giờ kết thúc; sự nhận thức về chân lý của người ta trong thực tiễn cũng mãi mãi không bao giờ kết thúc. Chủ nghĩa Marx–Lenin không hề kết thúc chân lý, mà trong thực tiễn, nó không ngừng mở đường cho việc nhận thức chân lý. Kết luận của chúng ta là sự thống nhất có tính chất lịch sử và cụ thể giữa chủ quan và khách quan, giữa lý luận và thực tiễn, giữa biết và làm, chống lại tất cả những tư tưởng sai lầm "tả" hoặc hữu tách rời lịch sử cụ thể.

Xã hội phát triển đến thời đại hiện nay, lịch sử đặt trách nhiệm nhận thức đúng thế giới và cải tạo thế giới lên vai giai cấp vô sản và chính đảng của giai cấp vô sản. Trên thế giới và ở Trung

Quốc, quá trình thực tiễn cải tạo thế giới căn cứ vào nhận thức khoa học mà định ra đó, đã tới giờ phút lịch sử— giờ phút quan trọng chưa từng có trên lịch sử— tức là hoàn toàn lật đổ mặt đen tối của thế giới và của Trung Quốc, biến đổi thế giới và Trung Quốc thành một thế giới sáng sủa từ trước đến nay chưa từng có. Cuộc đấu tranh cải tạo thế giới của giai cấp vô sản và của nhân dân cách mạng bao gồm sự thực hiện những nhiệm vụ dưới đây: cải tạo thế giới khách quan và cũng cải tạo cả thế giới chủ quan của mình— cải tạo năng lực nhận thức của mình, cải tạo mối quan hệ giữa thế giới chủ quan và thế giới khách quan. Trên quả đất này đã có một bộ phận thực hành sự cải tạo ấy, đó là Liên Xô. Họ đang xúc tiến quá trình cải tạo ấy. Nhân dân Trung Quốc và nhân dân thế giới cũng đều đang hoặc sắp sửa đi vào quá trình cải tạo ấy. Trong cái gọi là thế giới khách quan bị cải tạo, bao gồm cả những người chống lại sự cải tạo, cải tạo đối với những con người ấy phải qua giai đoạn cưỡng bức rồi mới đi vào giai đoạn tự giác. Khi thế giới đã đến lúc cả loài người đều tự giác cải tạo mình và cải tạo thế giới, thì đó là thời đại thế giới cộng sản chủ nghĩa.

Qua thực tiễn mà tìm ra chân lý, lại qua thực tiễn mà chứng minh chân lý và phát triển chân lý. Từ nhận thức cảm tính mà phát triển một cách năng động đến nhận thức lý tính, lại từ nhận thức lý tính mà chỉ đạo thực tiễn cách mạng một

cách năng động để cải tạo thế giới chủ quan và thế giới khách quan. Thực tiễn, nhận thức, lại thực tiễn nữa, lại nhận thức nữa, hình thức ấy tuần hoàn đi lại cho đến vô tận và nội dung của mỗi vòng tuần hoàn của thực tiễn và nhận thức đều tiến lên một bậc cao hơn một cách tương đối. Đó là toàn bộ nhận thức luận duy vật biện chứng, đó là quan điểm duy vật biện chứng về sự thống nhất giữa biết và làm.

CHÚ THÍCH

(1) Đoạn này trích trong *Trích yếu quyển "Lôgic học" của Hegel* của Lenin.

(2) Xem *Luận cương về Feuerbach của Marx* và tiết 6, chương II trong *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* của Lenin.

(3) Đoạn này trích trong *Trích yếu quyển "Lôgic học" của Hegel* của Lenin.

(4) Chiến tranh Thái Bình Thiên Quốc là cuộc chiến tranh cách mạng của nông dân xảy ra hồi giữa thế kỷ 19 nhằm chống lại ách thống trị phong kiến và sự áp bức dân tộc của triều Thanh. Tháng 1 năm 1851, những người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy là Hồng Tú Toàn, Dương Tú Thanh v.v. đã khởi nghĩa ở thôn Kim Điển huyện Quê Bình tỉnh Quảng Tây, tuyên bố thành lập "Thái Bình Thiên Quốc". Năm 1852, họ đã từ Quảng Tây qua Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây, An Huy và năm 1853 đánh chiếm được Nam Kinh. Sau đó lại phái một phần binh lực từ Nam Kinh tiến lên phía bắc, đánh thẳng đến tận vùng gần Thiên Tân. Nhưng vì quân Thái Bình không xây dựng những căn cứ địa vững chắc ở những nơi mà họ đã chiếm lĩnh được và sau khi lập đô ở Nam Kinh, tập đoàn lãnh đạo Thái Bình Thiên Quốc lại phạm nhiều sai lầm về chính trị và quân sự, do đó không chống đỡ nổi sự tấn công liên hợp của quân đội phản cách mạng nhà Thanh với bọn xâm lược Anh, Mỹ, Pháp, đến năm 1864 thì thất bại.

(5) Chiến tranh Nghĩa Hòa Đoàn là phong trào tự phát rộng rãi năm 1900 của quần chúng nông dân và thợ thủ

công miền bắc Trung Quốc, họ dùng hình thái kết xã bí mật theo chủ nghĩa thần bí và vũ trang chống lại đế quốc. Lực lượng vũ trang liên hợp của 8 nước đế quốc chiếm Bắc Kinh, Thiên Tân đã đàn áp phong trào đó một cách cực kỳ tàn khốc.

(6) Xem câu Lenin viết trong *Trích yếu quyển "Lôgic học" của Hegel*: "Muốn hiểu biết thì phải bắt đầu tìm hiểu, nghiên cứu từ kinh nghiệm, từ kinh nghiệm mà đi đến cái chung."

(7) Trích ở tiết 4, chương I trong *Làm gì?* của Lenin.

(8) Trích trong *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* của Lenin. Xem tiết 6, chương II trong quyển ấy.

(9) Trích trong *Về những nguyên lý của chủ nghĩa Lenin* của Stalin. Xem phần III trong quyển ấy.

(10) Xem tiết 5, chương II trong *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* của Lenin.

PHỤ LỤC:

THỰC HÀNH SINH RA HIỂU BIẾT, HIỂU BIẾT TIẾN LÊN LÝ LUẬN, LÝ LUẬN LÃNH ĐẠO THỰC HÀNH

Tháng 7-1937, đồng chí Mao Trạch Đông viết tập *"Thực tiễn luận"*, *bàn về lý luận và thực hành, biết và làm*. Sau đây là tóm tắt nội dung tập *"Thực tiễn luận"*, nói theo cách Việt Nam cho dễ hiểu.

Có một số đồng chí không chịu nghiên cứu kinh nghiệm thực tế của cách mạng Việt Nam. Họ không hiểu rằng: Chủ nghĩa Marx–Lenin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh. Vì vậy, họ chỉ học thuộc ít câu của Marx–Lenin, để loè người ta.

Lại có một số đồng chí khác chỉ bo bo giữ lấy những kinh nghiệm lẻ tẻ. Họ không hiểu rằng ***lý luận*** rất quan trọng cho sự thực hành cách mạng. Vì vậy, họ cứ cắm đầu nhắm mắt mà làm, không hiểu rõ toàn cuộc của cách mạng.

Hai khuynh hướng ấy đều sai lầm. Sai lầm nhất là khuynh hướng *giáo điều*, vì nó mượn những lời của Marx, Lenin, dễ làm cho người ta lầm lẫn.

Chủ nghĩa Marx chỉ rằng: Hoạt động sản xuất là nền tảng của *thực hành*, nó quyết định tất cả các hoạt động khác.

Do sự sản xuất ***vật chất*** mà người ta hiểu biết dần dần *các hiện tượng, các tính chất, các quy luật và mối quan hệ* giữa người với giới tự nhiên. Lại do hoạt động sản xuất mà dần dần hiểu rõ mối *quan hệ giữa người này với người khác*.

Đời xưa, khi chưa có giai cấp, thì mỗi người lấy tư cách một phần tử trong xã hội mà góp sức với những người khác, gây thành một thứ *quan hệ sản xuất* để giải quyết vấn đề sinh hoạt của loài người.

Khi xã hội đã có ***giai cấp***, thì các giai cấp ấy lại gây thành một thứ quan hệ sản xuất khác để giải quyết vấn đề sinh hoạt của loài người.

Hoạt động sản xuất là nguồn gốc của sự phát triển *hiểu biết* của loài người.

Ngoài hoạt động sản xuất, sự thực hành của người ta còn có: giai cấp đấu tranh, sinh hoạt chính trị, hoạt động khoa học và nghệ thuật, v.v.. Tóm lại, tất cả mọi ngành hoạt động trong xã hội đều do *người của xã hội tham gia*. Vì vậy, ngoài sinh hoạt vật chất, người ta còn do sinh hoạt chính trị, văn hóa (dính dáng khăng khít với sinh hoạt vật chất) mà hiểu biết các thứ quan hệ giữa người với người.

Giai cấp đấu tranh ảnh hưởng rất sâu sắc đến sự hiểu biết của người. Trong xã hội có giai cấp, mỗi người đều sinh hoạt trong một giai cấp nhất định, và các thứ tư tưởng đều có tính chất giai cấp.

Hoạt động sản xuất của xã hội phát triển từng bước, từ thấp đến cao. Vì vậy, sự hiểu biết của người ta (về giới tự nhiên, cũng như về xã hội) cũng phát triển từng bước, từ thấp đến cao, từ cạn đến sâu, từ một mặt đến toàn diện.

Trước kia, người ta chỉ hiểu một mặt của *lịch sử*. Đó là vì giai cấp bóc lột thường hay làm sai lịch sử của xã hội. Lại vì sản xuất hãy còn trong khuôn khổ nhỏ hẹp, nên nó hạn chế tầm con mắt

người ta. Chỉ đến khi có công nghiệp to, sản xuất lớn, có giai cấp vô sản, sự hiểu biết lịch sử mới phát triển đến toàn diện, sự hiểu biết xã hội mới thành một *khoa học*. Đó là duy vật lịch sử của chủ nghĩa Marx.

Chỉ có thực hành mới là mực thước đúng nhất cho sự *hiểu biết* của người về thế giới. Chỉ do quá trình thực hành (quá trình sản xuất vật chất, giai cấp đấu tranh, khoa học thực nghiệm), người ta mới đạt được *kết quả* đã dự tính trong tư tưởng, và lúc đó sự hiểu biết mới được chứng thực. Muốn như thế, tư tưởng nhất định phải *hợp với quy luật khách quan*. Không hợp thì trong lúc thực hành sẽ bị thất bại. Trải qua thất bại, người ta học được kinh nghiệm, để sửa đổi tư tưởng cho hợp quy luật khách quan, rồi đổi thất bại ra thành công. "Đứt tay, hay thuốc" là như vậy.

Duy vật biện chứng đã đặt *thực hành* lên trên hết. Sự hiểu biết không thể rời thực hành. Lenin nói rằng: "Thực hành cao hơn sự hiểu biết (lý luận), vì nó đã có tính chất phổ biến, lại có tính chất thực tế cụ thể".

Duy vật biện chứng của Marx có hai đặc điểm:

Một là tính chất *giai cấp*, nói rõ duy vật biện chứng là để phụng sự giai cấp vô sản.

Hai là tính chất *thực hành*. Nói rõ thực hành là nền tảng của lý luận và lý luận lại phụng sự thực hành. Chỉ có thực hành mới là tiêu chuẩn của *sự thật*.

Quan điểm thực hành là quan điểm chính của duy vật biện chứng.

Thế nào là thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết trở lại phụng sự thực hành?

Trong quá trình thực hành, ban đầu người ta chỉ thấy *hiện tượng* và thấy mối quan hệ bên *ngoài* của mỗi việc. Thí dụ: Có người đến thăm vùng tự do. Mấy hôm đầu, họ thấy núi sông, đường sá, nhà cửa. Họ gặp các hạng người. Họ xem các tài liệu. Họ dự các cuộc mít tinh. Họ nghe người này nói chuyện này, người khác nói chuyện khác. Họ thấy *hiện tượng và quan hệ bên ngoài* của vùng tự do. Đó là *giai đoạn cảm giác và ấn tượng của sự hiểu biết*. Trong giai đoạn thứ nhất ấy, họ chưa có một khái niệm sâu sắc, chưa có một *kết luận* hợp với lý luận.

Nếu họ cứ tiếp tục thực hành xem xét, ấn tượng và cảm giác của họ lặp đi lặp lại nhiều lần, thì trong quá trình hiểu biết của họ có một sự *đột biến*, do đó họ có một khái niệm. Khái niệm không phải là hiện tượng lẻ tẻ, là quan hệ bên

ngoài nữa. Khái niệm là đã nắm được *cái bản chất, cái toàn diện, và quan hệ bên trong* của mọi việc.

Cứ như thế mà tiến mãi, dùng cách xem xét và phán đoán, thì sẽ tìm được một *kết luận hợp với lý luận.* "Đi mãi thì đến, tìm mãi thì gặp" là thế. Đó là giai đoạn thứ hai.

Khi đã có đủ các tài liệu, đã suy xét, họ sẽ phán đoán rằng: Chính sách toàn dân đoàn kết, trường kỳ kháng chiến là đúng. Nếu họ thật thà muốn đoàn kết cứu nước, thì họ sẽ tiến lên một bước nữa mà kết luận rằng: Mặt trận dân tộc thống nhất mạnh mẽ thì trường kỳ kháng chiến nhất định thành công.

Giai đoạn *khái niệm*, *phán đoán và lý luận* là giai đoạn hiểu biết bằng *lý trí*. Nó rất quan trọng trong quá trình hiểu biết.

Từ cảm giác tiến đến tư tưởng, đến sự hiểu biết những mâu thuẫn nội bộ của mọi sự vật, hiểu biết quy luật của nó, hiểu biết quan hệ bên trong của quá trình này với quá trình kia, nghĩa là hiểu biết tiến dần thành lý luận, đó là nhiệm vụ của hiểu biết.

Trước kia, chưa ai biết rõ rằng lý luận duy vật biện chứng, lý luận hiểu biết, dựa vào thực hành,

từ thấp tiến đến cao. Đến Marx mới giải quyết được vấn đề ấy.

Chủ nghĩa Marx–Lenin nêu rõ *hai đặc điểm* của hai giai đoạn trong quá trình hiểu biết. Đặc điểm trong giai đoạn thấp là *cảm giác*. Đặc điểm trong giai đoạn cao là *lý luận*. Hai giai đoạn ấy tuy khác nhau, nhưng không tách rời nhau. Nó thống nhất trên nền tảng thực hành.

Cái gì ta mới cảm giác, ta vẫn chưa hiểu biết nó một cách sâu sắc: Chỉ khi nào ta hiểu biết nó, ta mới cảm giác nó một cách sâu sắc. Cảm giác chỉ giải quyết vấn đề hiện tượng. Lý luận mới giải quyết vấn đề bản chất. Nếu không thực hành thì không thể nào giải quyết được những vấn đề thiết thực ấy. Muốn hiểu biết việc gì, phải thiết thực tiếp xúc với việc ấy. Trong xã hội phong kiến, không thể nào hiểu biết được quy luật tư bản, vì hồi đó chưa có tư bản. Lý luận Marx chỉ có thể sinh ra trong xã hội tư bản. Marx lại không thể đoán trước một cách đầy đủ quy luật của chủ nghĩa đế quốc, vì hồi đó chủ nghĩa tư bản chưa đến giai đoạn đế quốc. Chỉ có Lenin và Stalin mới vạch rõ được quy luật của chủ nghĩa đế quốc. Chẳng những vì Lenin và Stalin có thiên tài, mà trước hết là vì hai ông đã thực hành việc lãnh đạo

giai cấp đấu tranh và thực nghiệm khoa học. Nếu không thực hành thì dù tài giỏi mấy cũng không thành công được.

Muốn hiểu biết một việc gì, một vật gì, thì phải tham gia vào cuộc đấu tranh và biến đổi của việc ấy, vật ấy. Có như thế mới thấy được *hiện tượng* của nó, và tiến tới hiểu biết *bản chất* của nó. Đó là con đường thực tế, ai muốn hiểu biết cũng phải trải qua.

Có người chỉ nghe lỏm, chỉ biết đôi chút mà đã vênh váo, tự cho mình là hiểu biết nhất trong thiên hạ. Thế là dại. Hiểu biết là một vấn đề khoa học, không có gì đáng kiêu ngạo. Trái lại, càng hiểu biết, thì càng phải khiêm tốn.

Muốn biết mùi quả cam, phải bổ quả cam mà nếm. Muốn biết tính chất quả cam thế nào thì phải dùng vật lý học và hóa học mà xét, rồi mới có thể thay đổi tính chất của quả cam. Muốn hiểu biết lý luận và phương pháp cách mạng, phải thực hành tham gia cách mạng.

Tất cả mọi hiểu biết, đều do *kinh nghiệm trực tiếp* hoặc *kinh nghiệm gián tiếp* mà có. Kinh nghiệm gián tiếp là kinh nghiệm người xưa để lại và kinh nghiệm các nước ngoài. Nếu những hiểu biết, những kinh nghiệm ấy hợp với điều kiện

khách quan thì nó đúng và có thể tin. Nếu không, thì không thể tin. Vì vậy, sự hiểu biết của mỗi người có hai bộ phận: kinh nghiệm trực tiếp và kinh nghiệm gián tiếp. Và kinh nghiệm gián tiếp của ta tức là kinh nghiệm trực tiếp của người. Cho nên, nói chung, sự hiểu biết nào cũng không thể tách rời kinh nghiệm trực tiếp. "Không vào hang, không bắt được cọp". Câu tục ngữ ấy là một sự thật cho thực hành, cũng là một sự thật cho hiểu biết. *Không thực hành thì nhất định không thể hiểu biết.*

Do thực hành mà hiểu biết, là hiểu biết theo duy vật biện chứng. Thí dụ:

Ở giai đoạn đầu tiên, giai đoạn vô sản tự động đấu tranh, phá hoại máy móc, thì vô sản mới hiểu biết chủ nghĩa tư bản bằng *cảm giác*, họ mới thấy một phía của hiện tượng, và mối *quan hệ bên ngoài* của chủ nghĩa tư bản. Lúc đó vô sản chỉ là "giai cấp tự nhiên"[(1)].

Đến giai đoạn thứ hai, vô sản đấu tranh về kinh tế, chính trị một cách có ý thức, có tổ chức, nhờ có kinh nghiệm thực hành; khi Marx và Engels

---

[(1)] "Giai cấp tự nhiên" là giai cấp chưa có tổ chức, chưa hiểu rõ quyền lợi, nhiệm vụ của mình, chưa có kinh nghiệm, v.v.. (TG).

đã dùng phương pháp khoa học tổng kết những kinh nghiệm ấy lại mà đúc thành lý luận Marx, thì vô sản mới hiểu biết b*ản chất* của chủ nghĩa tư bản, hiểu biết quan hệ giai cấp bóc lột, hiểu biết nhiệm vụ của mình. Lúc đó, vô sản trở nên "giai cấp vì mình"[(2)].

Cách thức nhân dân Việt Nam hiểu biết thực dân Pháp cũng như thế. Giai đoạn đầu chỉ hiểu biết bằng *cảm giác*. Nó biểu hiện ra ở các cuộc khởi nghĩa của những nhóm Cần Vương, và những nhóm tiểu tư sản cách mạng. Giai đoạn thứ hai mới là hiểu biết theo *lý trí*. Ta thấy rõ những mâu thuẫn bên trong và bên ngoài của đế quốc Pháp, ta thấy rõ chúng dùng bọn phong kiến phản động Việt Nam để áp bức nhân dân ta. Giai đoạn ấy bắt đầu từ năm 1925–1930 (Thời kỳ Thanh niên cách mạng đồng chí Hội bắt đầu tuyên truyền và tổ chức nhân dân).

Về chiến tranh cũng thế. Một người chỉ huy chưa có kinh nghiệm quân sự, chưa hiểu quy luật chiến tranh, lúc đầu ắt bị thất bại nhiều trận. Nhờ những kinh nghiệm (kinh nghiệm thắng trận, nhất là kinh nghiệm thua trận), người chỉ huy

---

[(2)] "Giai cấp vì mình" là giai cấp đã hiểu rõ quyền lợi và nhiệm vụ của mình, đã có tổ chức, có lãnh đạo, có lý luận soi đường (TG).

hiểu rõ quy luật của chiến tranh, nắm vững chiến lược và chiến thuật. Lúc đó thì họ sẽ lãnh đạo một cách chắc chắn.

Có đôi đồng chí sợ phụ trách công việc. Họ nói: "Tôi nắm không vững". Tại sao nắm không vững? Vì họ chưa hề thực hành những công việc ấy, họ chưa hiểu quy luật bên trong và hoàn cảnh bên ngoài của những việc ấy.

Khi đã phân tách rõ ràng tình hình và hoàn cảnh của công việc ấy cho họ hiểu thì họ dần dần nắm vững và dám làm. Trải qua một thời kỳ học tập kinh nghiệm nếu họ là những người thật thà cầu tiến, thì họ sẽ tiến bộ mau.

Những người *mắc bệnh chủ quan*, không xem xét hoàn cảnh thực tế, không xem xét toàn thể công việc, không nghiên cứu bản chất của công việc, không xét rõ quan hệ của việc này với việc khác, mà chỉ biết dùng *mệnh lệnh*, thì nhất định sẽ thất bại.

Có hai điểm rất quan trọng cần nhắc lại một lần nữa:

Một là sự hiểu biết bằng lý trí phải dựa vào sự hiểu biết bằng cảm giác. Nếu không có cảm giác, thì lý trí như một dòng nước không có nguồn,

một chòm cây không có rễ; mà như thế là chủ quan. *Kinh nghiệm cảm giác là bước đầu tiên* trong quá trình hiểu biết. Chỉ do thực hành, người ta mới hiểu biết; chỉ do tiếp xúc với sự vật khách quan, người ta mới có kinh nghiệm, cảm giác. Nếu nhắm mắt, bịt tai, không nghe, không thấy sự vật khách quan bên ngoài thì làm gì có hiểu biết. Kinh nghiệm là bước đầu tiên của hiểu biết. Đó là *hiểu biết theo chủ nghĩa duy vật*.

Hai là hiểu biết phải *tiến hóa* sâu sắc, từ giai đoạn cảm giác đến giai đoạn lý trí. Đó là *hiểu biết theo phương pháp biện chứng*.

Chỉ cảm giác thôi không đủ. Muốn hiểu biết toàn bộ một sự vật, hiểu biết bản chất và quy luật nội bộ của nó, thì phải suy xét kỹ lưỡng, gom góp những cảm giác phong phú lại, rồi chọn lọc cái nào thật, cái nào giả, cái nào đúng, cái nào sai, từ ngoài đến trong, để tạo thành một *hệ thống khái niệm lý luận*. Đó là hiểu biết do *thực hành* mà có và được cải tạo trong thực hành. Hiểu biết ấy sâu sắc hơn, đúng hơn, phản ảnh sự vật một cách hoàn toàn hơn.

Những người chỉ trọng kinh nghiệm mà khinh lý luận thì không hiểu rõ toàn bộ quá trình khách quan, thiếu phương châm vững chắc, chỉ biết

một mà không biết mười. Nếu những người ấy lãnh đạo cách mạng thì sẽ thất bại.

Đối với một công tác cũng như đối với một xã hội hay một cuộc cách mạng, sự hiểu biết đều phải do cảm giác tiến đến lý trí (lý luận).

Nhưng hiểu biết như thế *chỉ mới là hiểu biết một nửa*. Vì theo chủ nghĩa Marx thì chẳng những cần hiểu biết quy luật thế giới để giải thích thế giới, mà còn phải dùng sự hiểu biết ấy để *cải tạo thế giới*.

Lý luận rất quan trọng. Lenin nói: "Không có lý luận cách mạng thì không thể có vận động cách mạng". Lý luận sở dĩ quan trọng là vì nó dạy ta *hành động*. Nếu đưa một lý luận rất đúng ra nói, rồi xếp nó lại một xó, không đưa ra thực hành, thì lý luận ấy thành lý luận suông.

Hiểu biết do thực hành mà ra. Hiểu biết lại trải qua thực hành mà thành lý luận. Lý luận ấy lại phải dùng vào thực hành. Sự tiến tới của hiểu biết chẳng những ở chỗ từ cảm giác tiến đến lý luận, mà cốt nhất là *từ lý luận tiến đến thực hành cách mạng*. Đã nắm được quy luật thế giới, thì phải dùng nó vào thực hành *cải tạo thế giới, thực hành tăng gia sản xuất, thực hành giai cấp đấu tranh,*

dân tộc đấu tranh. Đó là quá trình liên tiếp của hiểu biết.

Muốn biết lý luận đúng hay không, thì phải dùng nó vào thực hành, xem nó có đạt được mục đích đã định hay không. Chủ nghĩa Marx–Lenin đúng là vì nó được chứng minh là đúng trong thực hành cách mạng giai cấp và cách mạng dân tộc. Duy vật biện chứng là đúng, vì sự thực hành nào cũng không thể thoát ra khỏi phạm vi của nó.

Nếu có lý luận không đầy đủ hoặc sai lầm thì cần phải trải qua thực hành mà sửa chữa, làm cho nó đầy đủ hơn, đúng hơn. Cho nên, có thể nói "thực hành là kích thước của sự thật, là nền tảng của hiểu biết".

Đồng chí Stalin nói: "Lý luận tách rời thực hành là lý luận suông. Thực hành tách rời lý luận là thực hành mù quáng".

Từ cảm giác tiến đến lý luận, từ lý luận tiến đến hành động có kết quả, quá trình hiểu biết đến đó có thể gọi là hoàn thành. Song, vì quá trình hiểu biết cứ tiến mãi, nên nói chung vẫn là chưa hoàn thành.

Bất kỳ trong giới tự nhiên hay trong xã hội, mâu thuẫn và đấu tranh nội bộ cứ tiến mãi, phát triển mãi. Sự hiểu biết cũng phải tiến tới mãi, phát triển mãi.

Cho nên người lãnh đạo cách mạng phải khéo sửa đổi khi có những sai lầm trong tư tưởng, lý luận, kế hoạch và nghị quyết của mình. Đồng thời, khi giai đoạn này phát triển lên giai đoạn khác, thì sự hiểu biết của người lãnh đạo và chiến sĩ cách mạng cũng phải tiến theo. Nghĩa là phải đề ra nhiệm vụ mới và phương pháp mới hợp với tình hình mới của cách mạng.

Trong thời kỳ cách mạng, tình hình biến đổi rất mau. Nếu sự hiểu biết không theo kịp thì khó mà đưa cách mạng đến thắng lợi.

Thường có khi tư tưởng không theo kịp thực tế. Đó là vì sự hiểu biết của người ta bị điều kiện xã hội hạn chế.

Phải phản đối những người *khuynh hữu*. Tư tưởng của họ không theo kịp sự biến đổi của tình hình khách quan. Tình hình đã tiến lên, mà sự hiểu biết của họ cứ ở chỗ cũ, vì tư tưởng của họ xa rời thực hành. Họ cũng như những người không đi trước xe để hướng dẫn, lại chạy sau xe

và trách xe chạy mau quá. Họ muốn gò xe lại, làm cho xe thụt lùi.

Lại cần phản đối những người *khuynh tả*. Họ chỉ biết nói cho sướng miệng. Tư tưởng của họ nhảy qua những giai đoạn phát triển nhất định. Họ cho ảo tưởng là sự thật. Họ xa rời sự thực hành của đại đa số nhân dân. Họ không thiết thực. Họ hành động một cách liều mạng.

Những bệnh duy tâm, máy móc, mạo hiểm, chủ quan, v.v., đều vì tách rời điều kiện khách quan với chủ quan, tách rời lý luận với thực hành mà có. Chủ nghĩa Marx–Lenin kiên quyết chống những sai lầm ấy.

Chủ nghĩa Marx–Lenin nhận rằng: Trong cả *tổng* quá trình phát triển *tuyệt đối* của toàn thể vũ trụ thì những quá trình phát triển cụ thể chỉ là *tương đối*. Do đó, những sự hiểu biết của người ta trong từng giai đoạn nhất định chỉ là những *sự thật tương đối* trong cái *sự thật tuyệt đối* to lớn. Vô số sự thật tương đối họp lại thành sự thật tuyệt đối.

Sự phát triển của quá trình khách quan chứa đầy mâu thuẫn và đấu tranh. Sự phát triển của hiểu biết cũng đầy mâu thuẫn và đấu tranh. Công việc xã hội phát sinh, phát triển và tiêu diệt

là vô cùng. Sự hiểu biết phát sinh, phát triển cũng là vô cùng. Cứ tiến lên mãi, thì sự hiểu biết cũng sâu sắc thêm mãi. Sự biến đổi trong thế giới không bao giờ hết, cho nên sự hiểu biết trong thực hành cũng không bao giờ hết, chủ nghĩa Marx–Lenin luôn luôn mở rộng đường hiểu biết sự thật trong thực hành, chứ không hạn chế nó.

Chủ quan và khách quan, lý luận và thực hành, biết và làm, là thống nhất.

Chúng ta chống sai lầm *tả khuynh và hữu khuynh*, vì nó trái với điều kiện lịch sử.

Giai cấp vô sản và Đảng của vô sản phải gánh cái trách nhiệm *hiểu biết thế giới và cải tạo thế giới.*

Ở Việt Nam cũng như trong thế giới, sự thực hành cải tạo thế giới đã đi đến một thời kỳ mới mẻ và lớn lao, tức là biến đổi Việt Nam và thế giới đen tối thành Việt Nam và thế giới quang vinh.

Trong cuộc đấu tranh để cải tạo Việt Nam và thế giới, giai cấp vô sản và nhân dân cách mạng phải cải tạo thế giới khách quan[3], đồng thời phải

---

[3] [4] Thế giới khách quan là như bọn thực dân, đế quốc, bù nhìn, v.v.. Thế giới chủ quan là như lực lượng của mình: bộ đội, chính phủ, nhân dân, cán bộ, sự ủng hộ của các

cải tạo thế giới chủ quan[4] của mình, cải tạo tư tưởng, tình hình và sự hiểu biết của mình. Cải tạo mối quan hệ giữa thế giới chủ quan và thế giới khách quan.

Một phần sáu địa cầu đã thực hành cải tạo như thế. Đó là Liên Xô. Liên Xô đang đẩy mạnh quá trình cải tạo ấy. Nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới cũng đang đi vào con đường cải tạo ấy, hoặc ít hoặc nhiều.

Trong thế giới khách quan đang được cải tạo, có cả những người chống lại việc cải tạo ấy. Họ phải trải qua giai đoạn bị bắt buộc, sau họ mới tiến đến giai đoạn tự giác. Đến lúc mọi người đều tự giác cải tạo mình và cải tạo thế giới, thì thế giới sẽ là thế giới cộng sản.

Do thực hành mà tìm ra sự thật. Lại do thực hành mà chứng thực sự thật và phát triển sự thật. Từ hiểu biết bằng cảm giác tiến lên hiểu biết bằng lý trí. Lại từ hiểu biết bằng lý trí tiến lên thực hành lãnh đạo cách mạng, cải tạo thế giới.

Thực hành, hiểu biết. Lại thực hành, lại hiểu biết nữa. Cứ đi vòng như thế mãi, không bao giờ ngừng. Và nội dung của thực hành và hiểu biết

---

nước dân chủ, v.v.. Nói tóm lại: Cái gì không phải ở mình là khách quan, cái gì ở mình là chủ quan (TG).

lần sau cao hơn lần trước. Đó là nội dung vấn đề hiểu biết trong duy vật biện chứng.

Đó là quan điểm *biết và làm thống nhất* của duy vật biện chứng.

C.B

Báo Nhân Dân, số 17,
ngày 19-7-1951.